

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TOÁN
QUỐC GIA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 797/2020/CV.NAPAS-QHNH
V/v: Thông báo cập nhật danh sách Ngân
hàng triển khai dịch vụ IBFT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Quý Ngân hàng thành viên

Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) gửi tới Quý Ngân hàng lời chào trân trọng.

Bằng công văn này, NAPAS thông báo tới Quý Ngân hàng về việc cập nhật và mở rộng phạm vi dịch vụ CMTC và BTĐT cho giao dịch chuyển khoản liên ngân hàng 24/7 (IBFT) như sau:

- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank): vai trò Tổ chức thụ hưởng nhận về 02 thẻ ghi nợ quốc tế mới;
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank): vai trò Tổ chức phát hành kênh Mobile Banking và Tổ chức thụ hưởng với phương tiện giao dịch là tài khoản được mở thông qua ứng dụng Ngân hàng số Ubank by VPBank; đồng thời, VPBank thực hiện đổi tên Ngân hàng số YOLO by VPBank (YOLO) từ 17/12/2020.

Trên cơ sở đó, NAPAS kính đề nghị Quý Ngân hàng phối hợp thực hiện và hoàn thành các nội dung sau **trước ngày 16/01/2021**:

1. Cập nhật các **BIN thụ hưởng** mới của Vietcombank lên hệ thống, chi tiết như bảng dưới:

STT	BIN thụ hưởng	Loại thẻ	Độ dài số thẻ
1	222806	Thẻ ghi nợ quốc tế Master Card	16
2	452404	Thẻ ghi nợ quốc tế VISA	16

2. Cập nhật số **BANK ID, BEN ID** của Ubank by VPBank lên hệ thống: **546035**
3. Cập nhật danh sách ngân hàng thụ hưởng hiển thị tới khách hàng trên các kênh giao dịch triển khai dịch vụ IBFT của Quý Ngân hàng nhằm:
 - 3.1 Hiển thị tên gọi Ngân hàng số Ubank của VPBank: “Ubank by VPBank”.
 - 3.2 Sử dụng tên gọi “CAKE by VPBank” **thay thế** cho tên gọi “YOLO by VPBank”.
4. Rà soát tổng thể **BANK ID, BEN ID** theo danh sách Ngân hàng thành viên tham gia dịch vụ mới nhất tới thời điểm hiện tại (*đính kèm công văn này*).
5. Truyền thông dịch vụ tới khách hàng của Quý Ngân hàng.

Mọi thông tin cần làm rõ, Quý Ngân hàng vui lòng liên hệ: Chị Nguyễn Minh Thu – Phòng Quan hệ Ngân hàng, Email: thunm@napas.com.vn, Điện thoại: 0989.886.899.

NAPAS rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý Ngân hàng.

Trân trọng.

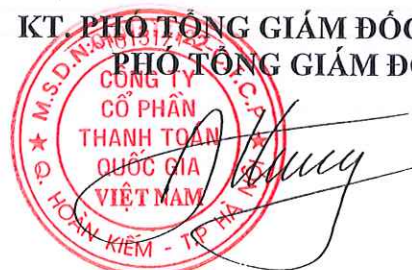
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QHNH.

Tài liệu đính kèm:

- Danh sách ngân hàng triển khai dịch vụ IBFT.

KT. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PT BĐH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐĂNG HÙNG

DANH SÁCH NGÂN HÀNG TRIỂN KHAI DỊCH VỤ IBFT
 Định kèm Công văn số 797/2020/CV.NAPAS-QHNH ngày 18/12/2020

STT	Ngân hàng	Viết tắt	BANK ID	BEN ID	Mã hình chuyển			Mã hình nhận			BIN thụ hưởng	Thương hiệu thẻ	Độ dài số thẻ	Kênh triển khai phát hành	
					Thẻ	TK	Note	Thẻ	TK	Note				Thẻ	TK
1	TMCP An Bình	ABB	191919	970425	x	x	Chuyển từ thẻ và TK thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND (cả nhân và doanh nghiệp)	970425	Thẻ ghi nợ nội địa YouCard	16	ATM, IB	ATM, IB
2	TMCP Á Châu	ACB	970416	970416	x	x	Chuyển từ thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970416	Thẻ ghi nợ nội địa 355 Styles	16	IB	IB
3	TMCP Bắc Á	BAB	970409	970409	x	x	Chuyển từ thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND của cá nhân hoặc doanh nghiệp	970409	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB	IB, MB
4	TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	970488	970418	x	x	Chuyển từ tài khoản tiền gửi thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK tiền gửi thanh toán VND (cả nhân và doanh nghiệp)	970418	Thẻ ghi nợ nội địa	16		ATM, IB, Quầy, MB
5	TMCP Bảo Việt	BVB	970438	970438	x	x	Chuyển từ tài khoản thanh toán VND của cá nhân	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND của cá nhân và doanh nghiệp	970438	Thẻ ghi nợ nội địa BVLINK và BVIP	16		IB
6	TM TNHH MTV Xây Dựng Việt Nam	CBB	970444		x		Chuyển từ TK thanh toán của KHON & KHON								MB
7	Hợp tác xã Việt Nam	CCF	970446		x		Chuyển từ thẻ	x		Nhận về thẻ ghi nợ nội địa	970446	Thẻ ghi nợ nội địa	19	ATM	
8	TMNH MTV CIMB	CIMB	422589	422589	x	x	Chuyển từ tài khoản thanh toán VND của cá nhân	x	x	Nhận về thẻ VISA ghi nợ và TK thanh toán VND	422589	Thẻ visa ghi nợ	16		MB
9	TMCP Đông Á	DOB	970406	970406	x	x	Chuyển từ thẻ ghi nợ nội địa	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thẻ ghi nợ nội địa VND, TK thẻ tín dụng VISA VND	970406	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM	
10	TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	452989	970431	x	x	Chuyển từ tài khoản thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ và TK tiền gửi thanh toán VND và TK khoản thẻ quốc tế VND (cả nhân và doanh nghiệp)	970431	Thẻ ghi nợ nội địa Eximbank, thẻ trả trước vô danh, thẻ đóng thương hiệu	16		IB, Quầy
11	TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	GPB	970408	970408	x	x	Chuyển từ thẻ và TK tiền gửi thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ và TK tiền gửi thanh toán VND (cả nhân và doanh nghiệp)	970408	Thẻ ghi nợ nội địa GPB: - Mystyle - Mai Xanh, Vàng, Bạch Kim, Trúc - My Card: Standard/Gold/Platinum - Student Card	16	IB, MB	IB, Quầy
12	TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh	HDB	970437	970437	x	x	Chuyển từ tài khoản thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK tiền gửi thanh toán VND	559463	Thẻ ghi nợ nội địa HDBank	16		IB (Chuyển đến TK) ATM, IB, MB (chuyển đến Thẻ)
											970437	Thẻ ghi nợ nội địa HDBank			
											498766	Thẻ Visa Credit Classic			
											498767	Thẻ Visa Credit Gold			
											498768	Thẻ Visa Debit Classic			
											498769	Thẻ Visa Debit Gold			
											462478	Thẻ Visa Veletair			
											416259	Thẻ Visa CRYC			
											515131	Thẻ MasterCard Credit			
											532137	Thẻ MasterCard Debit			



13	TNHH MTV Hongleong Việt Nam	HLB VN	970442	970442	x	x	Chuyển từ thẻ hoặc TK cá nhân VND	x	x	Nhận về thẻ và TK cá nhân VND	970442	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB, MB (Đối với kênh MB, HLB mới thêm khai chuyển từ TK sang ThẻTK)	ATM, IB, MB (Đối với kênh MB, HLB mới thêm khai chuyển từ TK sang ThẻTK)
14	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	HSBC	458761	458761				x		Nhận về TK thanh toán VND của cá nhân và doanh nghiệp					
15	IBK - chi nhánh Hà Nội	IBK - HN	970455	970455	x	x	Chuyển từ TK thanh toán VND, USD, EUR của cá nhân	x		Nhận về TK thanh toán VND của cá nhân					Quầy
16	IBK - chi nhánh HCM	IBK - HCM	970456	970456	x	x	Chuyển từ TK thanh toán VND của cá nhân	x		Nhận về TK thanh toán VND của cá nhân					Quầy
17	TMCP Công Thương Việt Nam	ICB	970415	970415	x	x	Chuyển từ TK tiền gửi thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK tiền gửi thanh toán VND, TK DDA (cá nhân và doanh nghiệp)	970415	Thẻ ghi nợ nội địa	16		ATM, IB, Quầy
18	TNHH Indovina	IVB	888999	970434	x	x	Chuyển từ TK thanh toán VND, USD của cá nhân hoặc doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán của cá nhân hoặc doanh nghiệp	970434	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB, MB, ATM
19	TMCP Kiên Long	KL B	970452	970452	x	x	Chuyển từ TK thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970452	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB, MB
20	TMCP Bưu Điện Liên Việt	LPB	970449	970449	x	x	Chuyển từ TK thanh toán VND của cá nhân hoặc doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND của cá nhân hoặc doanh nghiệp	970449	Thẻ ghi nợ nội địa	19		IB, Quầy
21	TMCP Quân Đội	MB	970422	970422	x	x	Chuyển từ thẻ/tài khoản thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	970422	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB, MB
22	TMCP Hàng Hải Việt Nam	MSB	970426	970426	x	x	Chuyển từ TK tiền gửi không kỳ hạn VND	x	x	Nhận về thẻ và TK tiền gửi không kỳ hạn VND	970426	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB
23	TMCP Nam Á	NAB	970428	970428	x	x	Chuyển từ thẻ và TK thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân hoặc doanh nghiệp	970428	Thẻ ghi nợ nội địa	16		ATM, IB, MB, Quầy

24	TMCP Quốc Dân	NCB	970419	970419	x	x	Chuyển từ thẻ/tài khoản	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970419	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB, MB	IB, MB
25	NONGHYUP - Chi nhánh HN	NHB HN	801011	801011		x	Chuyển từ TK thanh toán của cá nhân và doanh nghiệp		x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân và doanh nghiệp					IB, Quầy
26	TMCP Phương Đông	OCB	970448	970448	x	x	Chuyển từ thẻ/tài khoản cá nhân và doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND (cá nhân và doanh nghiệp)	970448	Thẻ ghi nợ nội địa Lucky	16	ATM, IB, MB	IB, MB
27	TMCP Đại Dương	Oceanbank	970414	970414		x	Chuyển từ TK tiền gửi thanh (cá nhân VND)	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK tiền gửi thanh toán VND	970414	Thẻ ghi nợ nội địa	16/19		ATM, IB, MB
28	TNHH MTV/ Public Việt Nam	PBVN	970439	970439		x	Chuyển từ TK thanh toán	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970439	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB, Quầy
29	TMCP Xăng Dầu Petrolimex	PGB	970430	970430	x		Chuyển từ thẻ	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970430	Thẻ ghi nợ nội địa	16	IB	
30	TMCP Đại Chung Việt Nam	PVCB	970412	970412	x	x	Chuyển từ thẻ/tài khoản	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	538742	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB	ATM, IB
											542553	Thẻ Master Credit	16		
											511962	Thẻ Master Credit	16		
											519501	Thẻ trả trước prepaid quốc tế	16		
											970429	Thẻ ghi nợ nội địa	16		
											489516	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Visa Standard	16		
31	TMCP Sài Gòn	SCB	157979	970429	x	x	Chuyển từ tài khoản cá nhân và doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND (cá nhân và doanh nghiệp)	489517	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Visa Gold	16	IB, MB	IB, MB
											489518	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Visa Platinum	16		
											510235	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Mastercard Standard	16		
											545579	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Mastercard Gold	16		
											554627	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Mastercard World	16		
											550796	Thẻ thanh toán quốc tế SCB Mastercard Debit	16		
32	TNHH MTV Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited	SCVN	970410	970410	x	x	Chuyển từ TK thanh toán của cá nhân	x	x	Nhận về TK thanh toán VND của cá nhân	453618	Thẻ thanh toán quốc tế SCB Visa Debit	16	IB	IB
											512454	Thẻ tín dụng quốc tế SCB Biz Card	16		
											547139	Thẻ thanh toán quốc tế SCB C Mastercard	16		
											970440	Thẻ ghi nợ nội địa	19		
											540392	Thẻ MasterCard Debit Classic	16		
											537158	Thẻ MasterCard Debit Gold	16		
											437420	Thẻ Visa Debit Classic	16		

33	TMCP Đông Nam Á	SEAB	970468	970440	x	Chuyển từ TK thanh toán VND cá nhân và doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ thanh toán VND cá nhân và doanh nghiệp	437421	Thẻ Visa Debit Gold	16	IB
										436545	Thẻ Visa Credit Classic	16	
										436546	Thẻ Visa Credit Gold	16	
										476636	Thẻ Visa Credit Platinum	16	
										405062	VISA DEBIT CARD	16	
										523611	MASTERCARD CREDIT	16	
34	TMCP Sài Gòn Công Thương	SGICB	970400	970400	x	Chuyển từ thẻ	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970400	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM
35	TMCP Sài Gòn Hà Nội	SHB	970443	970443	x	Chuyển từ TK tiền gửi thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ và TK tiền gửi thanh toán VND	970443	Thẻ ghi nợ solid	16	IB
36	TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	970403	970403	x	Chuyển từ thẻ và TK thanh toán VND	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	422151	Thẻ ghi nợ Sacombank Visa	16	ATM, IB
										436438	Thẻ tín dụng Visa Platinum	16	
										436445	Thẻ trả trước All For You	16	
										467964	Thẻ trả trước Lucky Gift	16	
										469654	Thẻ ghi nợ Sacombank Imperial Visa Platinum	16	
										472074	Thẻ tín dụng Sacombank Visa	16	
										472075	Thẻ tín dụng Sacombank Visa	16	
										486265	Thẻ tín dụng Ladies First	16	
										512341	Thẻ tín dụng Sacombank MasterCard	16	
										526830	Thẻ tín dụng Sacombank MasterCard	16	
										620009	Thẻ trả trước Sacombank UnionPay	16	
										621055	Thẻ ghi nợ Sacombank UnionPay	16	
										625002	Thẻ tín dụng Sacombank UnionPay	16	
										970403	Thẻ ghi nợ PassportPlus, Thẻ trả trước Vnamik, thẻ ghi nợ VTA Club, thẻ tín dụng Family	16	
										401520	Thẻ ghi nợ Sacombank Visa Signature	16	
										461337	Thẻ tín dụng doanh nghiệp Sacombank Visa Gold	16	
										461138	Thẻ ghi nợ doanh nghiệp Sacombank Visa Gold	16	
										461140	Thẻ tín dụng doanh nghiệp Sacombank Visa Platinum	16	
										466243	Thẻ tín dụng Sacombank Visa Infinite	16	ATM, IB
										356480	Thẻ tín dụng Sacombank JCB Classic	16	
										356481	Thẻ tín dụng Sacombank JCB Gold	16	
										552332	Thẻ tín dụng Sacombank World MasterCard	16	
										517416	Thẻ ghi nợ Sacombank MasterCard Gold	16	
										534437	Thẻ trả trước Sacombank MasterCard	16	
										356062	Thẻ tín dụng Sacombank JCB Ultimate	16	
										357115	Thẻ ghi nợ Sacombank JCB Platinum	16	
										412725	Thẻ trả trước Sacombank Visa	16	
										423325	Thẻ trả trước Sacombank	16	
										455376	Thẻ tín dụng Sacombank Visa Signature	16	
										970424	Thẻ ghi nợ nội địa	16	

37	TNHH MTV Shinhan Việt Nam	SHEVN	970424	970424	X	X	Chuyển từ thẻ nội địa và tài khoản	X	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	469672	Thẻ tín dụng cá nhân quốc tế Visa	16		
										469673	Thẻ tín dụng cá nhân bạch kim quốc tế Visa	16		
										469674	Thẻ ghi nợ cá nhân quốc tế Visa	16		
										403013	Thẻ Visa Classic	16		ATM, IB, Quấy, SMS
										421595	Thẻ Ghi nợ visa	16		
										462842	Thẻ tín dụng Visa	16		
										462843	Thẻ tín dụng Visa	16		
										462844	Thẻ tín dụng Visa	16		
38	TMCP Kĩ thuật Việt Nam	TCB	888899	970407	X	X	Chuyển từ thẻ, tài khoản cá nhân và doanh nghiệp	X	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND (cá nhân và doanh nghiệp)	970407	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB, MB	IB, MB
39	TMCP Tiên Phong	TPB	970423	970423	X	X	Từ tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp	X	Nhận về thẻ và tài khoản tiền gửi thanh toán	970423	Thẻ ghi nợ nội địa TiênPhong Bank	16		IB
40	TNHH MTV United Overseas	UOB	970458	970458	X	X	Chuyển từ TK thanh toán của cá nhân	X	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970458	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB
41	TMCP Việt Á	VAB	166888	970427	X	X	Chuyển từ TK tiền gửi thanh toán VND	X	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970427	Thẻ ghi nợ nội địa	16		IB
42	Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam	VBA	970499 970405	970405	X	X	Chuyển từ thẻ TKCN và TKCN	X	Nhận về sổ thẻ và tài khoản gắn với thẻ	970405	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, MB	IB
43	TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VCB	666868	970436	X	X	Chuyển từ thẻ và TK liên kết thanh toán VND, USD, EUR của cá nhân	X	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân	666868	Thẻ ghi nợ nội địa Connect24 (cũ) - ngừng từ 1.1.2021	16		
										970436	Thẻ ghi nợ nội địa	19		
										526418	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 MasterCard Debit	16		
										428310	Thẻ ghi nợ quốc tế Connect24 Visa Debit	16		
										621295	Thẻ ghi nợ Vietcombank - UnionPay	16		
										377160	Thẻ ghi nợ Vietcombank - American Express	16	ATM, IB, MB	ATM, IB, MB
										469173	Thẻ ghi nợ Vietcombank - Big C	16		
										477380	Thẻ ghi nợ Visa Vietcombank - Takashimaya	16		
										403277	Thẻ ghi nợ Visa Vietcombank Platinum	16		
										222806	Thẻ ghi nợ quốc tế Master card	16		
										452404	Thẻ ghi nợ quốc tế Visa	16		
44	TMCP Bản Việt	VCCB	970454	970454	X	X	Chuyển từ TK thanh toán VND	X	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa và TK thanh toán VND	970454	Thẻ ghi nợ nội địa	16		MB
45	TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	180906	970441	X	X	Chuyển từ TK Thanh toán VND	X	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	97044168	Thẻ ghi nợ nội địa mới	19		IB, MB
46	TMCP Việt Nam Thương Tín	VIETBANK	970433	970433	X	X	Chuyển từ TK thanh toán VND	X	Nhận về TK thanh toán VND					IB, MB, Quấy
47	TMCP Việt Nam Thịnh Vương	VPS	981957	970432	X	X	Chuyển từ thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế Master và TK thanh toán VND cá nhân	X	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND	970432	Thẻ ghi nợ nội địa	16		
										520395	Thẻ ghi nợ quốc tế MC2 Debit	16		
										520399	Thẻ tín dụng quốc tế MC2 Credit	16		
										521377	Thẻ ghi nợ quốc tế Platinum Debit	16		
										524394	Thẻ tín dụng quốc tế Platinum Credit	16		
										528626	Thẻ ghi nợ quốc tế E-card	16		
										454119	Thẻ ghi nợ quốc tế VPBank Visa Debit	16	ATM, IB	
										519966	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank MasterCard Credit Card	16		
										406453	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Visa Credit	16		
										454107	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Visa Credit	16		
										405280	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Visa Credit	16		
										478658	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Visa Credit	16		
										419834	Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Visa Credit	16		
	TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Ngân hàng số CAKE by VPBank	CAKE	546034	546034	X	X	Chuyển từ tài khoản	X	Nhận về TK VND đã định danh					MB
	TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Ngân hàng số Ubank by VPBank	Ubank	546035	546035	X	X	Chuyển từ tài khoản	X	Nhận về TK VND đã định danh					MB

Handwritten signature

48	Liên doanh Việt Nga	VRB	970421	970421	x	x	Chuyển từ thẻ và tài khoản cá nhân	x	x	Nhận về thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế và TK thanh toán VND của KHCHN và KHDN	970421	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB, Quầy	ATM, IB, Quầy
											442415	Thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit Classic	16		
49	TNHH MTV Woof Việt Nam	WMN	970457	970457	x	x	Chuyển từ thẻ, TK thanh toán VND của cá nhân và doanh nghiệp	x	x	Nhận về thẻ và TK thanh toán VND của cá nhân và doanh nghiệp	970457	Thẻ ghi nợ nội địa	16	ATM, IB, MB, Quầy	ATM, IB, MB, Quầy

Diễn giải:

- BANK ID/ACQ ID: Thông tin định danh của NHTV trên hệ thống NAPAS. Khi NHTV tham gia triển khai dịch vụ IBFT trong vai trò NHPL, ACQ ID sẽ được quy định tại F32 của message để NHTH biết giao dịch phát sinh từ NHPL nào
- BEN ID: Khi NHTV A tham gia triển khai dịch vụ IBFT trong vai trò NHTH, nhận về SỐ TÀI KHOẢN, các NHTV khác phải cập nhật BEN ID của NHTV A lên hệ thống
- BIN thụ hưởng: Khi NHTV A tham gia dịch vụ IBFT trong vai trò NHTH, nhận về SỐ THẺ, các NHTV khác phải cập nhật BIN thụ hưởng của NHTV A lên hệ thống